

**BIỂU SỐ 01: TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025**  
**NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch 2025	Ghi chú
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>3.570.880</b>	
<b>I</b>	<b>Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước</b>	<b>508.880</b>	
1	Phân bổ chi tiết cho các chương trình, dự án	508.880	Chi tiết tại biểu số 02
<b>II</b>	<b>Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất</b>	<b>890.400</b>	
1	Phân thu giao các huyện, thị xã, thành phố phân bổ	648.000	
2	Phân thu tỉnh phân bổ	242.400	
2.1	<i>Phân bổ chi tiết các chương trình, dự án thuộc danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn đủ điều kiện bố trí vốn theo quy định</i>	242.400	Chi tiết tại biểu số 03
<b>III</b>	<b>Đầu tư từ nguồn vốn xã số kiến thiết</b>	<b>2.150.000</b>	
	<b>Phân bổ chi tiết cho các chương trình, dự án</b>	<b>2.150.000</b>	Chi tiết tại biểu số 04
1	Chi đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục	373.321	
3	Chi đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực Y tế	172.530	
4	Chi đầu tư các dự án Văn hóa, xã hội, thể dục thể thao	65.501	
5	Chi đầu tư các công trình phúc lợi khác	1.252.599	
7	Các chương trình, đề án	286.049	
7.1	<i>Chương trình nước sinh hoạt</i>	65.545	
7.2	<i>Chi đầu tư quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi</i>	16.625	
7.3	<i>Hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước theo Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND tỉnh</i>	49.312	
7.4	<i>Cấp vốn điều lệ cho Quỹ hỗ trợ nông dân</i>	1.000	
7.5	<i>Vốn đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025</i>	9.499	
7.6	<i>Hỗ trợ đầu tư các dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị cho các trạm, phân trạm y tế trên địa bàn tỉnh</i>	85.000	
7.7	<i>Chuẩn bị đầu tư và nhiệm vụ quy hoạch xây dựng</i>	59.068	
<b>IV</b>	<b>Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương</b>	<b>21.600</b>	

